

Bản án số: 07/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30-01-2018
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Kim Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Bạch Tuyết;
2. Bà Nguyễn Hồng Trang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên tham gia phiên tòa: Ông Dương Thanh Tòng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý 586/2017/TLST - HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2017 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2018/QĐXXST – HNGĐ ngày 11/01/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Huỳnh Thị L**, sinh năm 1976;

Cư trú tại: Ấp N, xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn K**, sinh năm 1970;

Cư trú tại: Ấp N, xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

Bà L, ông K đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/11/2017 và trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án nguyên đơn - bà Huỳnh Thị L trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn K tự nguyện chung sống vợ chồng năm 1996 đến nay vẫn không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thời gian đầu

hạnh phúc đến năm 2016 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không cùng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi nên không hạnh phúc. Nay bà không thể tiếp tục kéo dài tình trạng nên bà yêu cầu ly hôn với ông K.

- Về nuôi con chung: Bà và ông K chung sống có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Diễm T1, sinh ngày 15/3/1997 và cháu Nguyễn Thị Diễm T2, sinh ngày 14/9/1999. Hiện nay cả hai con đã trưởng thành, tự lao động nuôi sống được bản thân nên bà không yêu cầu giải quyết về nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản biên bản ghi lời khai ngày 21/12/2017 và trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án bị đơn - ông Nguyễn Văn K trình bày:

- Về hôn nhân: Ông và bà Huỳnh Thị L chung sống từ năm 1996 đến nay vẫn không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn, sống vẫn hạnh phúc nên không đồng ý ly hôn với bà L.

- Về nuôi con chung: Ông và bà L chung sống có 02 con chung cháu Nguyễn Thị Diễm T1, sinh ngày 15/3/1997 và cháu Nguyễn Thị Diễm T2, sinh ngày 14/9/1999. Hiện nay cả hai con đã trưởng thành tự lao động nuôi sống được bản thân nên ông cũng thống nhất như bà L không yêu cầu giải quyết về nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Bà Huỳnh Thị L và ông Nguyễn Văn K vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục thụ lý, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã đảm bảo theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Bà Huỳnh Thị L và ông Nguyễn Văn K chung sống như vợ chồng với nhau từ năm 1996 có đủ điều kiện đăng ký kết hôn mà không đăng ký kết hôn là vi phạm Luật Hôn nhân và gia đình nên đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận bà Huỳnh Thị L và ông Nguyễn Văn K là vợ chồng.

Về nuôi con chung: Bà L và ông K chung sống có 02 con chung cháu Nguyễn Thị Diễm T1, sinh ngày 15/3/1997 và cháu Nguyễn Thị Diễm T2, sinh ngày 14/9/1999. Hiện nay cả hai con đã trưởng thành, tự lao động nuôi sống được bản thân nên bà L, ông K đều không yêu cầu giải quyết về nuôi con chung đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà L, ông K không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Bà Huỳnh Thị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Huỳnh Thị L và ông Nguyễn Văn K đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà L, ông K.

[2] Về hôn nhân: Bà L, ông K chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996, có đủ điều kiện đăng ký kết hôn được quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình nhưng ông, bà không đăng ký kết hôn là vi phạm Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, việc chung sống của bà L, ông K không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Nay bà L yêu cầu ly hôn, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình không công nhận bà Huỳnh Thị L và ông Nguyễn Văn K là vợ chồng.

[3] Về nuôi con chung: Bà L và ông K chung sống có 02 con chung cháu Nguyễn Thị Diễm T1, sinh ngày 15/3/1997 và cháu Nguyễn Thị Diễm T2, sinh ngày 14/9/1999. Hiện nay cả hai con đã trưởng thành, tự lao động nuôi sống được bản thân nên bà L, ông K đều không yêu cầu giải quyết về nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà L, ông K không yêu cầu giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Huỳnh Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Huỳnh Thị L và ông Nguyễn Văn K.

2. Về nuôi con chung: Bà Huỳnh Thị L và ông Nguyễn Văn K chung sống có 02 con chung cháu Nguyễn Thị Diễm T1, sinh ngày 15/3/1997 và cháu Nguyễn Thị Diễm T2, sinh ngày 14/9/1999. Hiện nay cả hai con đã trưởng thành, tự lao động nuôi sống được bản thân nên bà L, ông K không yêu cầu giải quyết về nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Huỳnh Thị L và ông Nguyễn Văn K không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Bà Huỳnh Thị L phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo biên lai số 0004808 ngày 08/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh; bà L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND huyện TB;
- Chi cục THA DS huyện Tân Biên;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã T;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Kim Thu